

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-10-2021

V/v tranh chấp về HN&GD ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Doan Hùng

Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 13 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 142/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 434, Tổ 16, Ấp 4, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bùi Phú Tr, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số 1172/1, Quốc lộ 30, Tổ 4, Khóm 1, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị D có mặt tại phiên tòa; anh Tr vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2021, biên bản hòa giải ngày 18/5/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc D trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh Tr sau một thời gian tìm hiểu thì anh quyết định về chung sống với nhau vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống không hạnh phúc, anh chị thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Anh Tr có hành vi bạo lực gia đình nhiều lần, dù hai bên gia đình có khuyên can nhưng anh Tr không sửa đổi. Chị D và anh Tr không còn sống chung từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Hiện nay chị D đang sống với cha mẹ ruột của chị tại số 434, Tổ 16, Ấp 4, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Từ khi chị D và anh Tr không còn sống chung đến nay giữa anh chị không hàn gắn được tình cảm. Nay, chị D yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh không công nhận quan hệ vợ chồng cho chị Phạm Thị Ngọc D và anh Bùi Phú Tr.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Chị D trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Bùi Phú Tr không gửi (nộp) văn bản ý kiến cho Tòa án.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tr nhưng anh Tr không có văn bản ghi ý kiến đối với nội dung vụ án, đồng thời không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không có mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc D và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Bùi Phú Tr có địa chỉ tại số 1172/1, Quốc lộ 30, Tổ 4, Khóm 1, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Tr có đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại 1172/1, Quốc lộ 30, Tổ 4, Khóm 1, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo xác nhận của Công an xã Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tr nhưng anh Tr không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời không có mặt tại phiên tòa hôm nay. Chị D đồng ý việc xét xử vắng mặt anh Tr tại phiên tòa theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử

vắng mặt anh Tr theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc chị D và anh Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn là có thật, vấn đề này đã được chị D thừa nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, chị D cho rằng chị và anh Tr chung sống từ năm 2018, không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Tr có hành vi bạo lực gia đình nhiều lần, dù hai bên gia đình có khuyên can nhưng anh Tr không sửa đổi. Anh chị không còn sống chung từ tháng 6 năm 2020 đến nay.

Trong thời gian không còn sống chung anh chị không hàn gắn lại tình cảm. Do đó, chị D yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị với anh Tr. Anh Tr không có mặt tại phiên tòa và không có ý kiến về quan hệ hôn nhân.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị D và anh Tr chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2018 nhưng anh chị không tuân thủ về đăng ký kết hôn mà Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định nên hôn nhân giữa anh chị không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình thì không có giá trị pháp lý.

Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Ngọc D và anh Bùi Phú Tr là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Ngọc D trình bày không có, anh Bùi Phú Tr không nộp văn bản ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Phạm Thị Ngọc D trình bày không có, anh Bùi Phú Tr không nộp văn bản ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí mà chị đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Ngọc D và anh Bùi Phú Tr.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Ngọc D trình bày không có, anh Bùi Phú Tr không nộp văn bản ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Phạm Thị Ngọc D trình bày không có, anh Bùi Phú Tr không nộp văn bản ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Phạm Thị Ngọc D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007930 ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Bùi Phú Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Chị Phạm Thị Ngọc D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Phú Tr có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Đoan Hùng – Nguyễn Văn Vệ

Lê Thị Mỹ

